

Bản án số: 420/2026/DS-PT  
Ngày: 30 - 3 - 2026  
Về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuý Lành  
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng  
Bà Đinh Thị Ngọc Yên

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phan Ngọc Nhân *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.*

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Thuý Tiên, *Kiểm sát viên.*

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 957/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 257/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh ngày 01/01/1965.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện theo uỷ quyền của bà C:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản uỷ quyền ngày 11/3/2025). (Có mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Trần Phiêu H1, sinh năm 1973.

2.2. Bà Nguyễn Ngọc C1, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện theo uỷ quyền của ông H1, bà C1:* Bà Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ A, ấp N, Phường N, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản uỷ quyền ngày 19/4/2025). (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn H2 (tên gọi khác: C2), sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị C là nguyên đơn; ông Trần Phiêu H1; bà Nguyễn Ngọc C1 là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:*

Bà C và vợ chồng ông H1, bà C1 có quan hệ làm ăn mua bán trái cây với nhau gần 10 năm, bà C mua các loại trái cây ở nhà vườn về giao lại cho vợ trái cây của vợ chồng ông H1, bà C1. Khi bà C giao trái cây, bà C1 không trả tiền đủ, cứ thiếu mỗi lần một ít, kéo dài nhiều năm. Đến ngày 29/3/2023, bà C và vợ chồng bà C1 cộng chót sổ, bà C1 còn thiếu bà C số tiền là 250.998.000 đồng.

Sau đó, hai bên tiếp tục làm ăn và giao kèo hàng giao thanh toán đủ tiền, không để gổ đầu như những năm trước nữa, hàng giao đến đâu thì thanh toán đến đó.

Nay khởi kiện yêu cầu ông H1, bà Chi T số tiền nợ 250.998.000 đồng, yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 29/3/2023 đến ngày xét xử.

*Quá trình giải quyết vụ án đại diện bị đơn bà D trình bày:*

Bà thừa nhận vợ chồng bà C1, ông H1 có làm ăn mua bán cây với bà C, ngày 29/3/2023 hai bên cộng sổ chót nợ thì vợ chồng bà C1 còn nợ bà C số tiền 250.998.000 đồng, sau đó vợ chồng bà Chi T dân cho bà C, hiện còn nợ 49.880.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 29/01/2025, chuyển khoản 30.000.000 đồng, ngày 28/02/2025 chuyển khoản 30.000.000 đồng, ngày 05/3/2025 là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 80.000.000 đồng.

Bà C1, ông H1 trả tiền mặt cho bà C 121.118.000 đồng cụ thể: Ngày 09/3/2023 âm lịch bà Chi trả 8.000.000 đồng cho bà C, ngày 23/12/2023 âm lịch bà C ứng 7.000.000 đồng, năm 2024 bà Chi trả 20.000.000 đồng không làm biên nhận, bà Chi trả 20.000.000 đồng cho chồng bà C là ông C2, năm 2024 căn trừ số tiền bà C mua thùng đựng hoa quả của bà C1  $61.118.000 = 121.118.000$  đồng.

Tổng cộng vợ chồng bà Chi T: 80.000.000 đồng + 121.118.000 đồng = 201.118.000 đồng. Nên vợ chồng bà C1 còn nợ 250.998.000 đồng - 201.118.000 đồng = 49.880.000 đồng, nay đồng ý trả gốc 49.880.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H2 trình bày:* Ông là chồng của bà C, tên ở nhà thường gọi là Cu. Bà C1 có khai ông nhận 20.000.000 đồng, ông

không đồng ý vì ông không nhận và cũng không ký tên, không phải chữ viết của ông.

Tại Bản án sơ thẩm 137/2025/DS-ST ngày 25-9-2025 Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Tây Ninh quyết định:

Căn cứ các điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, 217, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” đối với bà Nguyễn Ngọc C1, ông Trần Phiêu H1.

Buộc bà Nguyễn Ngọc C1, ông Trần Phiêu H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ là 170.998.000 đồng, tiền lãi là 42.436.000 đồng, tổng cộng là 213.434.000 (hai trăm mười ba triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C yêu cầu ông Trần Phiêu H1 và bà Nguyễn Ngọc Chi T số tiền 80.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc C1, ông Trần Phiêu H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.672.000 (mười triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí, do bà C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

*Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.*

Ngày 30/9/2025, bà Nguyễn Thị C kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Ngày 08/10/2025 ông Trần Phiêu H1, bà Nguyễn Ngọc C1 là bị đơn trong vụ án, có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa Bản án dân sự 137/2025/DS – ST, ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh theo hướng bị đơn trả cho nguyên đơn 49.880.000 đồng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị sửa lỗi suất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến Tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, ông Trần Phiêu H1, bà Nguyễn Ngọc C1 nộp trong thời hạn luật định, về hình thức và nội dung kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.2] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất ngày 29/3/2023 hai bên chốt nợ số tiền mua bán trái cây. Ông H1, bà C1 nợ bà C 250.998.000 đồng. Bà C khởi kiện yêu cầu ông H1, bà Chi trả số tiền nói trên. Cấp sơ thẩm xác định sau khi chốt nợ, ông H1, bà Chi T được cho bà C 80.000.000 đồng nên buộc trả 170.998.000 đồng, tiền lãi là 42.436.000 đồng, tổng cộng là 213.434.000 (hai trăm mười ba triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn) đồng.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị C thừa nhận, sau khi chốt nợ, ông H1, bà C1 có chuyển khoản được cho bà C 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà C cho rằng số tiền này là khoản tiền trả cho gói hàng mua sau khi chốt nợ nhưng không chứng minh được bà C bán cho ông H1, bà C1 là mặt hàng gì, giá tiền bao nhiêu, giao hàng khi nào. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C cũng không cung cấp được chứng cứ mới. Do đó, cấp sơ thẩm xác định số tiền 80.000.000 đồng bà C1, ông H1 chuyển khoản là số tiền trả cho khoản nợ 250.998.000 đồng là có căn cứ. Kháng cáo của bà C không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà C1, ông H1: Bà C1, ông H1 cho rằng sau khi chốt nợ đã trả cho bà C được số tiền 201.118.000 đồng (80.000.000 đồng chuyển khoản và 121.118.000 đồng trả tiền mặt). Số tiền chuyển khoản có cơ sở chấp nhận như phân tích ở trên. Bà C1, ông H1 trả tiền mặt cho bà C 121.118.000 đồng cụ thể: Ngày 09/3/2023 âm lịch bà Chi trả 8.000.000 đồng cho bà C, ngày 23/12/2023 âm lịch bà C ứng 7.000.000 đồng, năm 2024 bà Chi trả 20.000.000 đồng không làm biên nhận, bà Chi trả 20.000.000 đồng cho chồng bà C là ông C2, năm 2024 cần trừ số tiền bà C mua thùng đựng hoa quả của bà C1 61.118.000 đồng. Xét các chứng cứ trả tiền mặt bị đơn cung cấp: Ngày 09-3-2023 âm lịch bà Chi trả 8.000.000 đồng, ngày 23-12-2023 âm lịch bà C ứng 7.000.000 đồng. Chứng cứ này ghi trong sổ của bị đơn giữ, không ghi năm (chỉ ghi ngày 23/12, không ghi ngày âm lịch hay dương lịch), nguyên đơn thừa nhận là chữ của bà C, nhưng cho rằng là trả trước thời gian hai bên chốt nợ. Bị đơn đưa ra chứng cứ nhưng không chứng minh được thời gian trả, vì không ghi năm trả và cũng không ghi ngày tháng âm lịch hay dương lịch để chứng minh được chính xác thời gian trả nên không có căn cứ chấp nhận. Đại diện bị đơn

trình bày khoảng năm 2024, bà Chi T 20.000.000 đồng cho chồng bà C là ông C2 và cung cấp được giấy trả tiền này nhưng không có ghi thời gian trả, mặt khác ông H2 (tên gọi khác là C2) cũng không thừa nhận nên không xác định được trả trước hay sau thời gian chốt nợ nên không có căn cứ chấp nhận. Đại diện bị đơn trình bày năm 2024 bà C mua thùng đựng nhãn chưa trả tiền nên có căn trừ số tiền bà C mua thùng còn nợ là 61.118.000 đồng. Nguyên đơn không thừa nhận và đưa ra chứng cứ tờ giấy chốt nợ này có ghi chữ “R”, nghĩa là đã thanh toán xong trước lúc chốt nợ ngày 29-3-2023. Chính trong đoạn ghi âm hội thoại giữa bà C và ông H1 do bị đơn cung cấp ông H1 cũng thừa nhận có gạch đi phần trừ tiền thùng nhãn rồi.

Mặt khác, bị đơn cung cấp đoạn ghi âm (bút lục 31, 32) bà C xác nhận “*Bây giờ theo chị biết là còn trăm mấy*”, chứng cứ hội thoại ghi âm này do bị đơn giao nộp, nội dung ghi âm lại cuộc gọi sau khi hai bên khởi kiện tại Tòa án, như vậy bị đơn cho rằng đã trả 121.118.000 đồng tiền mặt là không có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi:

[3.1] Ông H1, bà C1 yêu cầu không tính lãi đối với số tiền phải trả. Bà C không thống nhất và yêu cầu của ông H1, bà C1 không phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự nên không được chấp nhận.

[3.2] Đối với phần lãi ông H1, bà C1 phải trả cho bà C: Cấp sơ thẩm buộc ông H1, bà C1 phải trả cho bà C lãi 0,83% đối với số tiền chậm trả là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chỉ tính lãi đối với số tiền 170.998.000 đồng từ ngày 29/3/2023 là chưa phù hợp. Bởi lẽ, số tiền bà C1, ông H1 nợ bà C là 250.998.000 đồng. Đến ngày 28/01/2025 chuyển khoản 30.000.000 đồng, ngày 27/2/2025 chuyển khoản 30.000.000 đồng, ngày 5/3/2025 trả 20.000.000 đồng. Như vậy cần phải tính lãi chậm trả theo từng mốc thời gian của số tiền chậm trả như sau:

$170.998.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 29 \text{ tháng } 27 \text{ ngày}$  (từ ngày 29-3-2023 đến ngày 25-9-2025, ngày xét xử sơ thẩm) = 42.436.000 đồng.

$30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 21 \text{ tháng } 29 \text{ ngày}$  (từ ngày 29/3/2023 đến ngày 28/01/2025) = 5.469.700 đồng.

$30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 22 \text{ tháng } 28 \text{ ngày}$  (từ ngày 29/3/2023 đến ngày 27/02/2025) = 5.710.400 đồng.

$20.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 23 \text{ tháng } 4 \text{ ngày}$  (từ ngày 29/3/2023 đến ngày 05/03/2025) = 3.840.667 đồng.

Tổng số lãi ông H1, bà C1 phải trả cho bà C là 57.456.767 đồng.

Cộng cả gốc và lãi bà C1, ông H1 phải trả cho bà C là 228.454.767 đồng.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà C. Không chấp nhận kháng cáo của bà C1, ông H1.

[4] Tại phiên tòa ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận 80.000.000 đồng nhưng thuộc trường hợp người cao tuổi có

đơn xin miễn án phí nên không phải nộp án phí. Ông H1, bà C1 phải chịu án phí đối với phần tiền phải trả cho bà C 228.454.767 đồng.

[5.2] Án phí phúc thẩm dân sự:

Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị C được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông Trần Phiêu H1, bà Nguyễn Ngọc C1 không được chấp nhận kháng cáo nên ông Trần Phiêu H1, bà Nguyễn Ngọc C1 mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1,2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Phiêu H1, bà Nguyễn Ngọc C1.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2025/DS-ST ngày 25-9-2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Tây Ninh về phần tính lãi.

Căn cứ các Điều 430, 440, 357 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” đối với bà Nguyễn Ngọc C1, ông Trần Phiêu H1.

Buộc bà Nguyễn Ngọc C1, ông Trần Phiêu H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ là 170.998.000 đồng, tiền lãi là 57.456.767 đồng, tổng cộng là 228.454.767 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm đồng.)

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C yêu cầu ông Trần Phiêu H1 và bà Nguyễn Ngọc Chi T số tiền 80.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc C1, ông Trần Phiêu H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.422.738 (mười một triệu, bốn trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi tám đồng)

Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí, do bà C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

## 2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Phiêu H1 và bà Nguyễn Ngọc C1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng án phí bà C1, ông H1 đã nộp theo biên lai thu số 0006604 Ngày 10 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ông Trần Phiêu H1 và bà Nguyễn Ngọc C1 còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí DSPT. Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

## 3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 11 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh TN;
- Phòng GD, TT, KT&THA.TANDTTN;
- Lưu. hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thuý Lành**